

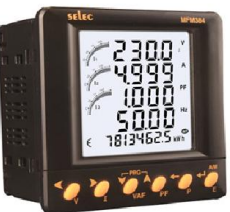
BẢNG GIÁ THIẾT BỊ SELEC

ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01/06/2014

Hình ảnh	Mã hàng	Mô tả	Giá (VNĐ) (+VAT)
ĐỒNG HỒ TỰ ĐIỆN DẠNG SỐ HIỂN THỊ DẠNG LED			
	MA12 (48x96)	- Đồng hồ đo Dòng điện AC gián tiếp qua CT - Hiển thị 4 số, dạng LED 7 đoạn - Cài đặt hệ số CT: 5 - 4000A	363,000
	MA202 (72x72)	- Dải hiển thị: 0 - 4960A - Mạng kết nối: 1 pha 2 dây - Nguồn cấp: AC: 240V AC ±20%, (50 / 60Hz) 110V AC ±20%, (50 / 60Hz)	393,000
	MA302 (96x96)	- Bảo vệ mặt trước: IP65 - Chiều cao của LED hiển thị: 14.2 mm	393,000
	MV15 (48x96)	- Đồng hồ đo Điện áp - Hiển thị 3 số, dạng LED 7 đoạn - Dải hiển thị: 0 - 516V	363,000
	MV205 (72x72)	- Mạng kết nối: 1 pha 2 dây - Nguồn cấp: AC: 240V AC ±20%, (50 / 60Hz) 110V AC ±20%, (50 / 60Hz)	363,000
	MV305 (96x96)	- Bảo vệ mặt trước: IP65 - Chiều cao của LED hiển thị: 14.2 mm	363,000
	MV15-AC-20/200V (48x96)	- Đồng hồ đo Điện áp - Hiển thị 3 số, dạng LED 7 đoạn - Dải hiển thị: 0 ~ 200/2000mV, 20/200V - Mạng kết nối: 1 pha 2 dây	587,000
	MV15-AC-200/2000mV (48x96)	- Nguồn cấp: AC: 240V AC ±20%, (50 / 60Hz) 110V AC ±20%, (50 / 60Hz) - Bảo vệ mặt trước: IP65 - Chiều cao của LED hiển thị: 14.2 mm	587,000
	MF16 (48x96)	- Đồng hồ đo Tần Số - Hiển thị 4 số, dạng LED 7 đoạn - Dải đo lường: 45 - 65Hz	424,000
	MF216 (72x72)	- Độ phân giải: 0.01 - Mạng kết nối: 1 pha 2 dây - Nguồn cấp: AC: 240V AC ±20%, (45 - 65Hz) 110V AC ±20%, (45 - 65Hz)	436,000
	MF316 (96x96)	- Chiều cao của LED hiển thị: 14.2 mm	436,000
	MP14 (48x96)	- Đồng hồ đo Hệ Số CosPhi - Hiển thị 4 số, dạng LED 7 đoạn	545,000
	MP214 (72x72)	- Độ phân giải: 0.001 - Mạng kết nối: 1 pha 2 dây - Nguồn cấp: AC: 240V AC ±20%, (50 / 60Hz)	545,000
	MP314 (96x96)	- Chiều cao của LED hiển thị: 14.2 mm	545,000

Hình ảnh	Mã hàng	Mô tả	Giá (VNĐ) (+VAT)
	MA12-AC-20A (48x96)	- Đồng hồ đo dòng điện AC trực tiếp - Hiển thị 4 số, dạng LED 7 đoạn - Dải hiển thị: 0 ~ 20, 200, 2000 mA, 20A - Mạng kết nối: 1 pha 2 dây - Nguồn cấp: AC: 240V AC ±20%, (50 / 60Hz) 110V AC ±20%, (50 / 60Hz) - Bảo vệ mặt trước: IP65 - Chiều cao của LED hiển thị: 14.2 mm	666,000
	MA12-AC-2/20mA (48x96)		587,000
	MA12-AC-200/2000mA (48x96)		587,000
	MA302-AC-20A (96x96)		666,000
	MV15-AC-20/200V (48x96)	- Đồng hồ đo Điện áp - Hiển thị 3 số, dạng LED 7 đoạn - Dải hiển thị: 0 - 516V - Mạng kết nối: 1 pha 2 dây - Nguồn cấp: AC: 240V AC ±20%, (50 / 60Hz) 110V AC ±20%, (50 / 60Hz) - Bảo vệ mặt trước: IP65 - Chiều cao của LED hiển thị: 14.2 mm	587,000
	MV15-AC-200/2000mV (48x96)		587,000
ĐỒNG HỒ TỬ ĐIỆN DẠNG SỐ DÙNG DÒNG ĐIỆN DC HIỂN THỊ DẠNG LED			
	MA12-DC-2mA (48x96)	- Đồng hồ đo Dòng điện DC - Hiển thị 4 số, dạng LED 7 đoạn - Cài đặt hệ số Shunt hoặc kết nối trực tiếp - Dải hiển thị: 0 - 4960A - Mạng kết nối: 1 pha 2 dây - Nguồn cấp: AC: 240V AC ±20%, (50 / 60Hz) 110V AC ±20%, (50 / 60Hz) - Bảo vệ mặt trước: IP65 - Chiều cao của LED hiển thị: 14.2 mm	587,000
	MA12-DC-20mA (48x96)		587,000
	MA12-DC-200mA (48x96)		587,000
	MA12-75MV-DC (48x96)		533,000
	MA302-75MV-DC (96x96)		549,000
	MV15-DC-200V (48x96)	- Đồng hồ đo Điện áp DC - Hiển thị 3 số, dạng LED 7 đoạn - Dải hiển thị: 0 - 200 VDC - Mạng kết nối: 1 pha 2 dây - Nguồn cấp: AC: 240V AC ±20%, (50 / 60Hz) 110V AC ±20%, (50 / 60Hz) - Bảo vệ mặt trước: IP65 - Chiều cao của LED hiển thị: 14.2 mm	685,000
ĐỒNG HỒ TỬ ĐIỆN DẠNG SỐ HIỂN THỊ DẠNG LCD			
	MA501 (48x48)	- Đồng hồ đo Dòng điện AC - Hiển thị 4 số, dạng LCD - Cài đặt hệ số CT: 5 - 5000A - Dải hiển thị: 0 - 6200A - Mạng kết nối: 1 pha 2 dây - Nguồn cấp: AC: 240V AC ±20%, (50 / 60Hz) 110V AC ±20%, (50 / 60Hz) - Bảo vệ mặt trước: IP65 - Chiều cao của LED hiển thị: 14.2 mm - Có biểu đồ hiển thị % tải	557,000
	MA201 (72x72)		617,000

Hình ảnh	Mã hàng	Mô tả	Giá (VNĐ) (+VAT)
	MA2301 (72x72)	- Đồng hồ đo Dòng điện 3 pha - Hiển thị 4 số, dạng LCD - Cài đặt hệ số CT: 5 - 5000A - Dải hiển thị: 0 - 6200A - Mạng kết nối: 3 pha 4 dây - Nguồn cấp: AC: 240V AC $\pm 20\%$, (50 / 60Hz) - Bảo vệ mặt trước: IP54 - Chiều cao của LED hiển thị: 14.2 mm - Có biểu đồ hiển thị % tải	744,000
	MV507 (48x48)	- Đồng hồ đo Điện áp - Hiển thị 3 số, dạng LCD - Dải hiển thị: 0 - 516V AC - Mạng kết nối: 1 pha 2 dây - Nguồn cấp: AC: 240V AC $\pm 20\%$, (50 / 60Hz)	545,000
	MV207 (72x72)	- Nguồn cấp: AC: 110V AC $\pm 20\%$, (50 / 60Hz) - Bảo vệ mặt trước: IP65 - Chiều cao của LED hiển thị: 14.2 mm - Có biểu đồ hiển thị % điện áp	605,000
	MV2307 (72x72)	- Đồng hồ đo Điện áp 3 pha - Hiển thị 3 số, dạng LCD - Dải hiển thị: 0 - 516V AC - Mạng kết nối: 3 pha 4 dây - Nguồn cấp: AC: 240V AC $\pm 20\%$, (50 / 60Hz) - Nguồn cấp: AC: 110V AC $\pm 20\%$, (50 / 60Hz) - Bảo vệ mặt trước: IP54 - Chiều cao của LED hiển thị: 14.2 mm - Có biểu đồ hiển thị % điện áp	714,000
ĐỒNG HỒ ĐO NĂNG LƯỢNG			
	EM306-A (96x96)	- Đồng hồ đo điện năng tiêu thụ KWh. - Hiển thị 6 số, dạng LED - Chiều cao của LED hiển thị: 14.2 mm - Cài đặt hệ số CT: 1 / 5A - 10.000A - Độ phân giải: 0.01, 0.1, 1 & 10 - Mạng kết nối: 3 pha - 4 dây, 3 pha - 3 dây, 2 pha - 3dây & 1 pha - 2 dây - Ngõ ra: xung áp 24VDC / dòng 100mA - Độ chính xác: cấp 1 - Có password bảo vệ - Nguồn cấp: 85 - 270V AC/DC	1,573,000
	EM368-C (96x96)	- Đồng hồ đo: P_f, kWh, kVA_{rh}, kVA_h, Tổng kW & kVA_r - Hiển thị 8 số, dạng LCD - Chiều cao của LED hiển thị: 10.5 mm - Cài đặt hệ số CT: 1 / 5A - 10.000A - Độ phân giải: 0.01, 0.1, 1 & 10 - Mạng kết nối: 3 pha - 4 dây, 3 pha - 3 dây, 2 pha - 3 dây & 1 pha - 2 dây - Ngõ ra: xung - Độ chính xác: cấp 1 - Cài đặt hệ số PT Sơ cấp: 100V - 500kV - Cài đặt hệ số PT Thứ cấp: 100 - 500V AC (L-L) - Nguồn cấp: 85 - 270V AC/DC - Truyền thông MODBUS (dành cho EM368-C)	2,178,000

Hình ảnh	Mã hàng	Mô tả	Giá (VNĐ) (+VAT)
ĐỒNG HỒ ĐO ĐIỆN ÁP, DÒNG ĐIỆN VÀ TẦN SỐ			
	VAF36A (96x96)	- Đồng hồ đo: Điện áp, dòng điện và tần số - Hiển thị 3 hàng, 3 số, dạng LCD - Cài đặt hệ số CT: 5A - 10.000A - Mạng kết nối: 3 pha - 4 dây, 3 pha - 3 dây, 2 pha - 3 dây & 1 pha - 2 dây - Cài đặt hệ số PT Sơ cấp: 100V - 500kV - Cài đặt hệ số PT Thứ cấp: 100 - 500V AC (L-L) - Đo được điện áp trung và cao thế - Nguồn cấp: 85 - 270V AC	1,150,000
ĐỒNG HỒ ĐO ĐA CHỨC NĂNG			
	MFM383A (96x96)	- Đồng hồ đo: V, A, Hz, Pf, kW, kVA, kVAR, và đo tổng kWh, KVAh, KVArh (cho cả 1 pha và 3 pha) - Hiển thị 3 hàng, 4 số, dạng LCD - Hàng thứ 4: 8 số (dành cho năng lượng) - Cài đặt hệ số CT: 1A / 5A - 10.000A - Mạng kết nối: 3 pha - 4 dây, 3 pha - 3 dây, 2 pha - 3 dây & 1 pha - 2 dây	2,239,000
	MFM383A-C (96x96)	- Ngõ ra: xung áp 24VDC / dòng 100mA - Độ chính xác: cấp 1 (dành cho năng lượng) - Cài đặt hệ số PT Sơ cấp: 100V - 10000V - Cài đặt hệ số PT Thứ cấp: 100 - 500V AC (L-L) - Có password bảo vệ - Nguồn cấp: 85 - 270V AC - Truyền thông MODBUS (dành cho MFM383-AC)	2,723,000
	MFM384 (96x96)	- Đồng hồ đo: V, A, Hz, Pf, kW, kVA, kVAR, kWh, kVArh, KVAh, Tổng kWh, KVAh & kVArh (đo được cho cả 1 pha và 3 pha) - Đo và hiển thị sóng hài THD của điện áp và dòng điện - Hiển thị 4 hàng, 4 số, dạng LCD - Hàng thứ 5: 8 số (dành cho năng lượng) - Cài đặt hệ số CT: 1A / 5A - 10.000A	2,783,000
	MFM384-C (96x96)	- Mạng kết nối: 3 pha - 4 dây, 3 pha - 3 dây, 2 pha - 3 dây & 1 pha - 2 dây - Ngõ ra: xung áp / dòng 24VDC / dòng 100mA - Độ chính xác: cấp 1 (dành cho năng lượng) - Cài đặt hệ số PT Sơ cấp: 100V - 500kV - Cài đặt hệ số PT Thứ cấp: 100 - 500V AC (L-L) - Nguồn cấp: 85 - 270V AC - Truyền thông MODBUS (dành cho MFM384-C)	3,328,000

Hình ảnh	Mã hàng	Mô tả	Giá (VNĐ) (+VAT)
	MFM384-R-C (70x90)	- Đồng hồ đo: V, A, Hz, Pf, kW, kVA, kVAr, kWh, kVArh, kVAh, Tổng kWh, kVAh & kVArh (đo được cho cả 1 pha và 3 pha) - Hiển thị 3 hàng, bằng LCD có đèn nền - Số hiển thị: 1 hàng x 4 số, 2 hàng x 7 số hoặc 3 hàng x 7 số - Cài đặt hệ số CT: 5A - 10.000A - Mạng kết nối: 3 pha - 4 dây, 3 pha - 3 dây, 1 pha - 2 dây - Ngõ ra: xung áp / dòng 24VDC / dòng 100mA - Độ chính xác: cấp 1 (dành cho năng lượng) - Cài đặt hệ số PT Sơ cấp: 100V - 500kV - Cài đặt hệ số PT Thứ cấp: 100 - 500V AC (L-L) - Nguồn cấp: 85 - 270V AC - Truyền thông MODBUS RTU	3,328,000
	AC-RS485-RS232-ISO	- Bộ chuyển đổi RS485-232 - Nguồn cấp: 90 - 270V AC/DC - Tốc độ truyền: 9600 - 115200 BPS	1,606,000
	EN-VIEW	- Phần mềm giám sát năng lượng EN-VIEW - Dùng cho các loại đồng hồ: EM368-C / MFM383-C / MFM383A-C / MFM384-C	3,784,000
RƠ LE BẢO VỆ			
	900ELR-2-230V	- Rơ le bảo vệ dòng rò và chạm đất - Được thiết kế nhỏ gọn gắn trên thanh ray - Hiển thị: 3 số, LCD đèn nền - Dùng cho mạng 3 pha - 4 dây và 1 pha - 2 dây - Thời gian tác động trễ: 0 - 0.99 giây - Dải dòng rò điều chỉnh: 10 mA - 30 A - Test / Reset: phím nhấn trước / từ xa - Ngõ ra: 2 C / O (NO/5A, NC/3A @ 250V AC) - Nguồn cấp: 230V AC	1,628,000
	CBCT70-1	- CBCT dùng cho Rơ le bảo vệ dòng rò 900ELR - Có 2 loại đường kính: 120, 70 mm - Hệ số CT: 1000:1	843,000
	CBCT120-1		1,209,000
	900VPR-2-280/520V	- Rơ le bảo vệ điện áp và tần số - Được thiết kế nhỏ gọn gắn trên thanh ray - Chức năng bảo vệ: thấp / quá điện áp; thấp / quá tần số; mất cân bằng pha; thứ tự pha và mất pha - Hiển thị: 3 số, bằng màn hình LCD - Dùng cho mạng 3 pha 3 dây, 3 pha 4 dây - Thời gian tác động trễ: 0 - 0.99 giây - Thấp áp / quá áp: 280 - 520 V AC (mạng điện 3pha 3dây) 161 - 300 V AC (mạng điện 3pha 4 dây) - Thấp / quá tần số: 45 - 65 Hz - Mất cân bằng điện áp: 5 - 99.9% - Ngõ ra: 2 C / O (NO/5A, NC/3A @ 250V AC) - Nguồn cấp: Lấy điện áp ngõ vào cấp nguồn	1,664,000

Hình ảnh	Mã hàng	Mô tả	Giá (VNĐ) (+VAT)
	900CPR-1-230V (1 pha)	- Rơ le bảo vệ quá dòng 1 pha (900CPR-1-230V) - Rơ le bảo vệ quá dòng 3 pha (900CPR-3-230V) - Được thiết kế nhỏ gọn gắn trên thanh ray - Hiển thị: 3 số, bằng màn hình LCD - Dùng cho mạng điện 1 pha 2 dây (900CPR-1-230V)	1,714,000
	900CPR-3-230V (3 pha)	- Dùng cho mạng điện 1 pha 2 dây, 3 pha 3 dây, 3 pha 4 dây (900CPR-3-230 V) - Thời gian tác động trễ: 0 - 0.99 giây - Thấp dòng: 0 - 999 A - Quá dòng: 0.5A - 1.2 kA - Dòng mất cân bằng (900CPR-3-230V) - Ngõ ra: 1 C / O(NO/5A, NC/3A @ 250V AC) - Nguồn cấp: 230 V AC	2,143,000
	VPRA2M	- Rơ le bảo vệ điện áp - Được thiết kế nhỏ gọn gắn trên thanh ray - Chức năng: bảo vệ thấp áp, quá áp, ngược pha, mất pha, mất cân bằng pha - Có LED hiển thị nguồn và trạng thái ngõ ra - Dùng cho mạng điện 1 pha 2 dây, 3 pha 4 dây - Thời gian tác động trễ: 0 - 15 giây - Phần trăm bảo vệ thấp áp: 55% ~ 95% của 230V AC - Phần trăm bảo vệ quá áp: 105% ~ 125% của 230V AC - Mất cân bằng pha: khi điện áp các pha lệch nhau > 10% - Ngõ ra: 2 C/O (5A @ 250V AC)	850,000
	600VPR-310 / 520	- Rơ le bảo vệ điện áp. - Chức năng bảo vệ: quá áp, thấp áp, ngược pha, mất pha - Có LED hiển thị nguồn và trạng thái ngõ ra - Cài đặt được thời gian tác động trễ: 0.2 ~ 10 giây - Được thiết kế nhỏ gọn gắn trên thanh ray - Dùng cho mạng 3 pha 3 dây - Phần trăm bảo vệ thấp áp: -2.5% ~ -25% của 415V AC - Phần trăm bảo vệ quá áp: +2.5% ~ +25% của 415V AC - Tự động reset khi tình trạng lỗi đã hết - Ngõ ra: 1 C / O (NO/5A, NC/3A @ 250V AC)	610,000
	600PSR-280 / 520	- Rơ le bảo vệ ngược pha và mất pha - Được thiết kế nhỏ gọn gắn trên thanh ray - Dùng cho mạng 3 pha 3 dây, dải điện áp 280 ~ 528V AC - Khi điện áp nhỏ hơn 280V AC ngõ ra sẽ tác động - Tự động reset khi tình trạng lỗi đã hết - Thời gian tác động ngõ ra lớn nhất: 100ms - Ngõ ra: 1 cặp tiếp điểm (NO/5A, NC/3A @ 250V AC)	460,000
ĐIỀU KHIỂN NHIỆT ĐỘ			
	TC544A (48x48)	- Hiển thị bằng LED 7 đoạn, 2 hàng, mỗi hàng 4 số - Chế độ điều khiển PID hoặc ON/OFF	897,000
	TC244AX (72x72)	- Ngõ vào: Thermocouple (J, K,T,R, S) / RTD (Pt100) - Hai điểm cài đặt, 2 ngõ ra, chức năng auto-tuning - Ngõ ra điều khiển: Relay: 5 A @250V AC / 30V DC; SSR: 12V DC, 50mA	947,000
	TC344AX (96x96)	- Ngõ ra cảnh báo: Relay: 5 A @250V AC / 30V DC - Nguồn cấp: 85 ~ 270V AC/DC, (24V AC/DC đặt hàng)	996,000

Hình ảnh	Mã hàng	Mô tả	Giá (VNĐ) (+VAT)
	TC533AX (48x48)	- Hiển thị bằng LED 7 đoạn, 2 hàng, mỗi hàng 3 số - Chế độ điều khiển PID hoặc ON/OFF. - Ngõ vào: Thermocouple (J, K.T,R, S) / RTD (Pt100) - Một điểm cài đặt, 1 ngõ ra, chức năng auto-tuning. - Ngõ ra điều khiển: Relay: 5 A @250V AC / 30V DC; SSR: 12V DC, 50mA. - Nguồn cấp: 85 ~ 270V AC/DC, (24V AC/DC đặt hàng)	747,000
	TC513AX (48x48)	- Hiển thị bằng LED 7 đoạn, 1 hàng 3 số - Chế độ điều khiển PID hoặc ON/OFF - Ngõ vào: Thermocouple (J, K.T,R, S) / RTD (Pt100) - Một điểm cài đặt, 1 ngõ ra, chức năng auto-tuning - Ngõ ra điều khiển: Relay: 5 A @250V AC / 30V DC; SSR: 12V DC, 50mA - Nguồn cấp: 85 ~ 270V AC/DC, (24V AC/DC đặt hàng)	648,000
	TC203AX (72x72)		698,000
	TC303AX (96x96)		800,000
	CH403-3-NTC	- Hiển thị: 3 số, dạng LED - Chế độ điều khiển: ON / OFF (Độ trễ - 0.1 - 9.9 ⁰) - 1 điểm cài đặt - Ngõ ra: + Chính: Relay + Cảnh báo: Relay / SSR - Độ trễ thời gian khởi động: 0 - 99 phút - Chế độ hoạt động của Relay: Heat & Cool - Thời gian xả đông: 0 - 99 phút - Tần số xả đông: 0 - 99 (Hr/Min/Sec) - Nguồn cấp: 85 - 270V AC/DC, (24V AC/DC đặt hàng)	800,000
	PID500 (48x48)	Ngõ vào đa năng, 2 ngõ ra rơ le hoặc SSR	1,797,000
		Ngõ vào đa năng, 3 ngõ ra rơ le hoặc SSR	1,797,000
		Ngõ vào đa năng, 3 ngõ ra rơ le hoặc SSR + truyền thông	2,624,000
		Ngõ vào đa năng, ngõ ra 0 ~ 10V hoặc 4-20mA + 1 Alarm	1,540,000
		Ngõ vào đa năng, ngõ ra 0 ~ 10V hoặc 4-20mA + 2 Alarm	2,239,000
		Ngõ vào đa năng, ngõ ra 0 ~ 10V hoặc 4-20mA + 2 Alarm + truyền thông	3,190,000
	PID110/330 (96x48)	Ngõ vào đa năng, 2 ngõ ra rơ le hoặc SSR	1,768,000
		Ngõ vào đa năng, 3 ngõ ra rơ le hoặc SSR	1,813,000
		Ngõ vào đa năng, ngõ ra 0 ~ 10V hoặc 4-20mA + 1 Alarm	1,919,000
		Ngõ vào đa năng, ngõ ra 0 ~ 10V hoặc 4-20mA + 2 Alarm	2,470,000
BỘ HIỂN THỊ ĐA CHỨC NĂNG			
	PIC101A-T-230 (48x96)	- Bộ hiển thị xử lý - Hiển thị 1 hàng, 4 số, dạng LED - Ngõ vào: Thermocouple: J/ K/ T/ R/ S/ Pt100 - Độ phân giải: 1/ 0.1 độ - Nguồn cấp: 230V AC	747,000
	PIC101A-VI-230 (48x96)	- Bộ hiển thị xử lý - Hiển thị 1 hàng, 4 số, dạng LED - Ngõ vào: Tín hiệu DC: 0-10V, 0/4 - 20mA - Độ phân giải: 1/ 0.1/ 0.01/ 0.001 - Nguồn cấp: 230V AC	747,000

Hình ảnh	Mã hàng	Mô tả	Giá (VNĐ) (+VAT)
	PIC101N (48x96)	- Bộ hiển thị đa năng - Hiển thị 1 hàng, 4 số, dạng LED - Ngõ vào: + Thermocouple: J/ K/ T/ R/ S..... + RTD: Pt100/ Pt1000 + Tín hiệu DC: -5 - 56mV, 0 - 100mV, 0-10V, 0/4 - 20mA - Độ phân giải: + TC/ RTD: 1/ 0.1 độ + Ngõ vào Analog: 1/ 0.1/ 0.01/ 0.001 - Nguồn cấp: 85 - 270V AC/DC	1,034,000
	PIC152N (48x96)	- Bộ hiển thị đa năng, ngõ ra chuyển tiếp - Hiển thị 1 hàng, 4 số, dạng LED - Ngõ vào: + Thermocouple: J/ K/ T/ R/ S..... + RTD: Pt100/ Pt1000 + Tín hiệu DC: -5 - 56mV, 0 - 100mV, 0-10V, 0/4 - 20mA - Độ phân giải: + TC/ RTD: 1/ 0.1 độ + Ngõ vào Analog: 1/ 0.1/ 0.01/ 0.001 - Ngõ ra: + Alarm: 2 ngõ ra + Retransmission (tùy chọn): 0/4 - 20mA DC, 0 - 5V DC, 0 - 10VDC - Nguồn cấp: 85 - 270V AC/DC	1,078,000
	PIC1000D (48x96)	- Bộ hiển thị đa năng, ngõ ra chuyển tiếp, truyền thông - Hiển thị 1 hàng, 4 số, dạng LED - Ngõ vào: + Thermocouple: J/ K/ T/ R/ S..... + RTD: Pt100/ Pt1000 + Tín hiệu DC: -5 - 56mV, 0 - 100mV, 0-10V, 0/4 - 20mA - Độ phân giải: + TC/ RTD: 1/ 0.1 độ + Ngõ vào Analog: 1/ 0.1/ 0.01/ 0.001	2,641,000
	PIC1000E (48x96)	- Ngõ ra: + Alarm: 4 ngõ ra + Retransmission (tùy chọn): 0/4 - 20mA DC, 0 - 5V DC, 0 - 10VDC - Nguồn cấp: 85 - 270V AC/DC - Truyền thông: RS485 (MODBUS) dành cho PIC1000E	3,194,000
BỘ ĐỊNH THỜI GIAN			
	800POD	- Timer OFF delay - Dải thời gian: 180 giây - Ngõ ra: 2 cặp tiếp điểm NO / NC - Nguồn cấp: 110 ~ 240V AC / DC	832,000
	800SQ-A	- Timer ON delay, Interval - Dải thời gian: 3 / 10 / 30 / 60 giây 3 / 10 / 30 / 60 phút - Ngõ ra: 1 cặp tiếp điểm NO / 5A, NC / 3A @ 250V AC - Nguồn cấp: 240V AC (50/60 Hz)	308,000
	800XC	- Timer hoạt động theo chu kỳ, bắt đầu ON hoặc OFF - Dải thời gian: 1 ~ 10 giây, 1 ~ 10 phút, 1 ~ 10 giờ - Ngõ ra: 1 cặp tiếp điểm NO / NC - Nguồn cấp: 24 & 240V AC (50/60Hz)	572,000

Hình ảnh	Mã hàng	Mô tả	Giá (VNĐ) (+VAT)
	800SD-2	- Timer khởi động Sao - Tam giác - Dải thời gian: 3 ~ 30 giây, 6 ~ 60 giây - Thời gian chuyển từ Sao qua Tam giác 50/100ms - Ngõ ra: 1 cặp tiếp điểm NO / 5A, NC / 3A @ 250V AC cho sao 1 cặp tiếp điểm NO / 5A, NC / 3A @ 250V AC cho tam giác - Nguồn cấp: 230V AC (50/60 Hz)	506,000
	600ST-240	- Timer ON delay - Dải thời gian: 0.1 ~ 1 giây, 0.3 ~ 3 giây, 1 ~ 10 giây, 3 ~ 30 giây 0.1 ~ 1 phút, 0.3 ~ 3 phút, 1 ~ 10 phút, 3 ~ 30 phút 0.1 ~ 1 giờ, 0.3 ~ 3 giờ - Ngõ ra: 1 cặp tiếp điểm NO / 5A, NC / 3A @ 250V AC - Nguồn cấp: 240V AC (50/60 Hz) (dùng cho 600ST-240) 110V AC (50/60 Hz) (dùng cho 600ST-110) 24V AC (50/60 Hz) (dùng cho 600ST-24)	388,000
	600ST-110		388,000
	600ST-24		388,000
	600U	- Timer ON delay, Interval, , Repeat cyclic equal OFF first, Repeat cyclic equal ON first, Pulse output 500ms fixed. - Dải thời gian: 0.1 ~ 1 giây, 0.3 ~ 3 giây, 1 ~ 10 giây, 3 ~ 30 giây 0.1 ~ 1 phút, 0.3 ~ 3 phút, 1 ~ 10 phút, 3 ~ 30 phút 0.1 ~ 1 giờ, 0.3 ~ 3 giờ - Ngõ ra: 2 cặp tiếp điểm NO / 5A, NC / 3A @ 250V AC - Nguồn cấp: 20 ~ 240V AC (50/60 Hz)	499,000
	600SD-2-230	- Timer khởi động Sao - Tam giác. - Dải thời gian: 3 ~ 30 giây, 6 ~ 60 giây - Thời gian chuyển từ Sao qua Tam giác 50/100ms - Ngõ ra: 1 cặp tiếp điểm NO / 5A, NC / 3A @ 250V AC cho sao. 1 cặp tiếp điểm NO / 5A, NC / 3A @ 250V AC cho tam giác - Nguồn cấp: 230V AC (50/60 Hz) (dùng cho 600SD-2-230) 110V AC (50/60 Hz) (dùng cho 600SD-2-110)	444,000
	600SD-2-110		444,000
	600DT	- Timet đa chức năng hiển thị màn hình LCD - Các chức năng: On delay, Interval, Asymmetrical cyclic OFF first, Asymmetrical cyclic ON first, Repeat cyclic equal OFF first, Repeat cyclic equal ON first, Pulse output, Delay on break, Delay on make/Delay on break, Interval after break, Single shot, Retriggerable Single shot, Latching relay, Delay on make with Totalise, Interval with Totalise - Dải thời gian đa dạng: 0 ~ 99.9 giây / phút / giờ 0 ~ 999 giây / phút / giờ 0 ~ 9:59 phút:giây 0 ~ 9:59 giờ:phút - Ngõ ra: 1 C/O 8A @ 250V AC - Nguồn cấp: 20 ~ 240V AC/DC	721,000

Hình ảnh	Mã hàng	Mô tả	Giá (VNĐ) (+VAT)
	XT546	- Timer số - Hiển thị 2 hàng, 3 số, dạng LED - Chức năng: On Delay / Interval / Cyclic On First / Cyclic Off First - Dải thời gian: 9.99 / 99.9 / 999 giây, 9.59 phút : giây, 99.9 / 999 phút, 9.59 giờ : phút, 99.9 / 999 giờ - Cách cài đặt thời gian: bằng phím trước - Ngõ ra: 2 C/O (DPDT) - Nguồn cấp: 85 ~ 270V AC/DC	1,050,000
BỘ HIỂN THỊ TỐC ĐỘ VÀ ĐẾM TỔNG			
	XC10D (48x96)	- Bộ đếm tổng - Hiển thị 1 hàng, 6 số, dạng LED - Dải đếm: 999999 - Có chức năng nhớ dữ liệu - Hướng đếm: lên - Reset bằng phím trước - Loại Sensor: NPN, PNP - Tốc độ ngõ vào: 3Hz, 30Hz, 1kHz - Nguồn cấp: 90 - 270V AC/DC	858,000
	XC1200 (48x96)	- Bộ hiển thị tốc độ và đếm tổng - Chức năng đếm: 6 số: 0.0001 tới 999999 - Hiển thị tốc độ: 5 số: 4 tới 99999 vòng/ phút hoặc vòng/ giờ - Có khả năng đếm tăng hoặc giảm - Có hai điểm cài đặt - Có 2 ngõ ra: Relay - Tốc độ ngõ vào: 0 - 30Hz hoặc 0 - 2.5 KHz hoặc 0-5kHz - Dạng ngõ vào: xung áp 3 ~ 30VDC từ cảm biến tiệm cận, Encoders, hoặc từ tiếp điểm - Nguồn cấp: 85 ~ 270 V AC/DC	1,826,000
	RC102C (48X96)	- Bộ hiển thị tốc độ và đếm tổng - Chức năng đếm: 6 số: 0.01 tới 999999 - Hiển thị tốc độ: 4 số: 4 tới 9999 vòng / phút hoặc mét / phút - Tốc độ ngõ vào: 0 tới 30Hz hoặc 0 tới 2.5 KHz - Dạng ngõ vào: xung áp 3 ~ 30VDC từ cảm biến tiệm cận, Encoders, hoặc từ tiếp điểm - Nguồn cấp: 85 ~ 270 V AC/DC	1,364,000
	TT412 (36X72)	- Thiết bị đếm tổng thời gian - Hiển thị tối đa được 6 số - Dải thời gian: 99999.9 / 999999 giây, 99999.9 / 999999 phút, 99999.9 / 999999 giờ - Ngõ vào: tiếp điểm - Có khả năng reset và nhớ được giá trị 10 năm - Nguồn cấp: 85 ~ 270V AV/DC	1,210,000
	LT920-V (24X48)	- Thiết bị đếm tổng thời gian - Hiển thị tối đa được 8 số - Dải thời gian: 9999:59:59 giờ:phút:giây, 999999:99 giờ - Ngõ vào: điện áp 24 ~ 260V AC hoặc tiếp điểm - Có khả năng reset và nhớ được giá trị 5 năm - Nguồn cấp: dùng pin	506,000

Hình ảnh	Mã hàng	Mô tả			Giá (VNĐ) (+VAT)
BIẾN DÒNG CT		Hệ số biến dòng	Sai Số (%)	Công suất(VA)	
 SPCT (Làm bằng nhựa ABS)	SPCT-62/30-30/5	30/5	0,5	1.5	335,000
	SPCT-62/30-40/5	40/5	0,5	1.5	335,000
	SPCT-62/30-50/5	50/5	0,5	1.5	335,000
	SPCT-62/30-60/5	60/5	0,5	1.5	335,000
	SPCT-62/30-75/5	75/5	0,5	1	335,000
	SPCT-62/40-100/5	100/5	0,5	1.5	335,000
	SPCT-62/40-150/5	150/5	0,5	1.5	335,000
	SPCT-62/40-200/5	200/5	0,5	2.5	335,000
	SPCT-62/40-250/5	250/5	0,5	2.5	335,000
	SPCT-62/40-300/5	300/5	0,5	3	335,000
	SPCT-80/40-400/5	400/5	0,5	5	406,000
	SPCT-80/40-500/5	500/5	0,5	5	406,000
	SPCT-80/40-600/5	600/5	0,5	5	406,000
	SPCT-100/60-800/5	800/5	0,5	10	628,000
	SPCT-100/60-1000/5	1000/5	0,5	10	684,000
	SPCT-100/60-1200/5	1200/5	0,5	5	721,000
	SPCT-145/100-1500/5	1500/5	0,5	15	739,000
	SPCT-145/100-2000/5	2000/5	0,5	15	952,000
	SPCT-145/100-2500/5	2500/5	0,5	15	1,127,000
	SPCT-145/100-3000/5	3000/5	0,5	15	1,322,000
	SPCT-145/100-3500/5	3500/5	0,5	15	1,478,000
	SPCT-145/100-4000/5	4000/5	0,5	15	1,829,000
 RCCT (Làm bằng PVC)	RCCT-28-30/5	30/5	1	1.5	397,000
	RCCT-28-50/5	50/5	1	1.5	397,000
	RCCT-28-75/5	75/5	1	1.5	397,000
	RCCT-42-100/5	100/5	1	1.5	416,000
	RCCT-42-200/5	200/5	1	1.5	416,000
	RCCT-42-300/5	300/5	1	1.5	416,000

Điều khoản thương mại

Bảng giá trên đã bao gồm thuế VAT 10%

Giá trên sẽ được thay đổi mà không cần báo trước.

Thời gian bảo hành: 12 tháng kể từ ngày giao hàng.

Trân trọng kính chào.